TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

**CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG**

# BÁO CÁO

## ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

## CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

**Bình Dương, Năm 2023**

**Mục Lục**

**I. MỞ ĐẦU** ..... **2**
**II . NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ** ..... **2**
1. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá tác động môi trường ..... 2
2. Mục đích của đánh giá ..... 2
3. Phương pháp đánh giá ..... 3
4. Phạm vi đánh giá ..... 3
**III. THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT** ..... **3**
1. Kết quả giám sát môi trường năm 2023 ..... 3
2. Xác định các hoạt động có thể gây tác động đến môi trường trong sản xuất ..... 7
3. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường ..... 7
3.1. Biện pháp hạn chế ô nhiễm tại trạm giao nhận, thu gom mủ ..... 8
3.2 . Xử lý chất thải sinh hoạt, bao bì thuốc BVTV tại khu vực trồng xen ..... 8
3.3. Sử dụng thuốc BVTV và phân bón ..... 8
3.5. Các giải pháp quản lý an toàn lao động nhằm ngăn ngừa các rủi ro ..... 8

## I. MỞ ĐẦU

Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng trồng cao su trên địa bàn thuộc Huyện Dầu Tiếng, Huyện Bàu Bàng và Thị xã Bến Cát – Tỉnh Bình Dương. Trung tâm của Công ty đặt tại Thị trấn Dầu Tiếng - một thị trấn có tiềm năng phát triển nông - công nghiệp lớn, cách thành phố Thủ Dầu Một 60 km và cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh 90 km đường giao thông đường bộ.

Tổng diện tích cao su Công ty quản lý hiện nay là 28.056,44 ha (Tháng 09/2023):

- Đất nông nghiệp: 27.917,72 ha

- Đất phi nông nghiệp: 138,72 ha

- Diện tích tham gia Hệ thống Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC): 8.000 ha thuộc 4 Nông trường: Đoàn Văn Tiến diện tích 1.978,36 ha (xã Định Hiệp và thị trấn Dầu Tiếng); Trần Văn Lưu diện tích 2.839,89 ha (xã Định An, Định Hiệp và Minh Tân); Thanh An diện tích 2.393,65 ha (xã Định Hiệp, An Lập và Thanh An); Bến Súc diện tích 788,10 ha (xã Thanh An, Thanh Tuyền) huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Diện tích tham Hệ thống giải trình trách nhiệm kiểm soát nguồn gốc DDS theo PEFC cho vườn cây cao su của Công ty: 19.917,72 ha (Diện tích này sẽ biến động tùy vào tình hình vườn cây mỗi năm, kế hoạch sử dụng đất của Công ty, quyết định thu hồi đất của Tỉnh về việc bàn giao đất về địa phương để phục vụ kinh tế Tỉnh). Diện tích này giảm 2,08 ha so với năm 2022, do bàn giao đất về địa phương thực hiện các công trình công cộng.

Với chiến lược phát triển mang tính bền vững, Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng đã thực hiện chương trình quản lý rừng bền vững, đạt được chứng chỉ rừng VFCS theo hệ thống chứng chỉ rừng PEFC đối với vùng nguyên liệu quản lý của Công ty năm 2019, 2020, 2021 và 2022. Tiếp tục thực hiện các công tác duy trì quản lý rừng bền vững năm 2023.

## II . NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

### 1. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Tiêu chuẩn quốc gia VFCS/PEFC, nguyên tắc 5 về quản lý và bảo vệ môi trường trong các hoạt động lâm nghiệp;
- Quy định Quy trình giám sát và đánh giá QĐNN13;
- Quy trình đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng (QTNN04);
- Các báo cáo đánh giá giám sát các hoạt động trồng cao su, chăm sóc, khai thác mủ gỗ, sử dụng hóa chất phân bón, hành lang ven suối của Công ty năm 2023.

### 2. Mục đích của đánh giá

Mục đích của đánh giá tác động môi trường của các hoạt động sản xuất tại 04 Nông trường tham gia Quản lý rừng bền vững nhằm xác định các tác động tiềm tàng đến môi trường. Thông qua đó giúp Công ty, Nông trường đưa ra các biện pháp quản lý nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động bất lợi từ các hoạt động của Nông trường đến vấn đề môi trường.

**3. Phương pháp đánh giá**

- Xác định các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi các hoạt động trồng cao su và khai thác mủ gỗ do Nông trường thực hiện;

- Liệt kê toàn bộ các hoạt động sản xuất và xác định mối quan hệ nhân quả của các hoạt động này liên quan đến môi trường (bao gồm các quan hệ hoạt động – rủi ro – nguy cơ gây ra tác động);

- Quan sát hiện trường các hoạt động của Nông trường có tác động đến môi trường;

- Phân tích các hoạt động diễn ra trên Nông trường với danh mục các điều kiện hoặc các đặc trưng môi trường có thể bị tác động;

- Phỏng vấn thu thập thông tin từ cán bộ chuyên trách của Công ty và Nông trường;

- Tham vấn và thu thập các thông tin về môi trường từ cộng đồng, đánh giá tổng hợp tác động môi trường.

**4. Phạm vi đánh giá**

Đánh giá tác động môi trường tập trung vào khu vực rừng trồng cao su của 4 Nông trường tham gia Chứng chỉ rừng là 8.000 ha trong đó: Nông trường Đoàn Văn Tiến diện tích 1.978,36 ha, Nông trường Trần Văn Lưu diện tích 2.839,89 ha, Nông trường Thanh An diện tích 2.393,65 ha; Nông trường Bến Súc diện tích 788,10 ha.

Đánh giá hiện trạng môi trường đối với các khu vực rừng trồng cao su không tham gia Chứng chỉ rừng gồm: một phần diện tích còn lại của Nông trường Đoàn Văn Tiến, Trần Văn Lưu, Thanh An, Bến Súc và toàn bộ diện tích Nông trường An Lập, Long Hòa, Long Tân, Minh Hòa.

## III. THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT

### 1. Kết quả giám sát môi trường năm 2023

#### 1.1. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật

Bao gồm các hoạt động: mở, bảo trì đường vận xuất, lán trại của công nhân, bãi đổ xe và trạm bảo vệ rừng. Qua hoạt động giám sát và quan sát thực tế cho thấy các hoạt động này của Công ty trong năm 2023 không gây tác động tiêu cực đến môi trường, cụ thể:

- Mở, bảo trì đường vận xuất: Đầu năm 2023, Công ty lên kế hoạch sửa chữa và bảo trì đường lô và trong năm đã thực hiện sửa chữa đường lô theo đúng kế hoạch.Tuy nhiên, do thời tiết trong năm mưa kéo dài nên công tác sửa chữa đường thực hiện còn chậm. Nhưng Công ty vẫn đảm bảo an toàn cho công nhân lao động trong quá trình di chuyển.

- Lán trại của công nhân, bãi đổ xe và trạm bảo vệ rừng đảm bảo về môi trường: rác thải sinh hoạt được công nhân thu gom, không có dầu mỡ bị chảy trên hiện trường ở các bãi đổ xe.

#### 1.2. Trồng và chăm sóc rừng, Trồng xen và luân canh

Qua hoạt động giám sát và quan sát thực tế cho thấy, nhìn chung các hoạt động trồng và chăm sóc rừng, trồng xen và luân canh trong năm 2023 không có các tác động tiêu cực đến môi trường.

**a. Xử lý thực bì và vật liệu hữu cơ, chăm sóc rừng:**

**- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV):**

+ Sử dụng thuốc (BVTV) đúng phương pháp, chủng loại được phép sử dụng theo định mức của Công ty và Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2022 về việc ban hành danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam nên không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống của động vật, vi sinh vật, không khí và nguồn nước.

+ Đối với các loại thuốc diệt cỏ có hoạt chất Glufosinate Ammonium, Công ty đã thực hiện đánh giá rủi ro và đánh giá tác động môi trường, xã hội cho thấy việc sử dụng thuốc không gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe người lao động cũng như người dân địa phương sống xung quanh khu vực.

+ Bảng thống kê sử dụng thuốc BVTV Công ty thực hiện từ tháng 01 đến tháng 9/2023:

| Nông trường | Diện tích phun (ha) | | | | Lượng thuốc sử dụng (lít) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Vườn cây kinh doanh | Vườn cây KTCB | Trồng mới, tái canh | Tổng | Chất bám dính | Hexin | Vivadamy 5SL | Glufosinate ammonium |
| An Lập | 333,81 | 632,02 | | **965,83** | 126,30 | | 869,50 | 221,83 |
| Bến Súc | 182,61 | 759,04 | | **941,65** | 430,90 | | 811,16 | 733,05 |
| Đoàn Văn Tiến | 151,92 | 240,97 | | **392,89** | 67,10 | | 100,90 | 387,00 |
| Long Hòa | 295,39 | 471,37 | | **766,76** | 80,00 | | 744,00 | 246,55 |
| Long Tân | 72,44 | 456,78 | | **529,22** | 45,06 | | 270,36 | 522,31 |
| Minh Hòa | 39,67 | 822,01 | 94,00 | **955,68** | | | 291,50 | 1.669,60 |
| Thanh An | 18,34 | 267,74 | 6,93 | **293,01** | 152,00 | | 232,00 | 119,00 |
| Trần Văn Lưu | 68,78 | 1.047,98 | 1.348,58 | **2.465,34** | 189,69 | 93,52 | 206,88 | 3.145,71 |
| **TỔNG** | **1.162,96** | **4.697,91** | **1.449,51** | **7.310,38** | **1.091,05** | **93,52** | **3.526,30** | **7.045,05** |

+ Tỷ lệ diện tích phun thuốc BVTV năm 2023:

| Nông trường | Diện tích KTCB (ha) | Diện tích phun vc KTCB (ha) | Tỷ lệ % | Diện tích vc kinh doanh (ha) | Diện tích phun vc kinh doanh | Tỷ lệ % | Diện tích Tái canh 2023 | Diện tích phun vc tái canh 2023 | Tỷ lệ % |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| An Lập | 917,15 | 759,48 | 82,81 | 2.480,74 | 333,81 | 13,46 | | | |
| Bến Súc | 854,62 | 745,15 | 87,19 | 1.912,14 | 182,61 | 9,55 | | | |
| Đoàn Văn Tiến | 402,47 | 318,29 | 79,08 | 2.541,34 | 151,92 | 5,98 | | | |
| Long Hòa | 643,26 | 383,37 | 59,60 | 2.079,68 | 295,39 | 14,20 | | | |
| Long Tân | 690,68 | 475,48 | 68,84 | 2.781,58 | 72,44 | 2,60 | | | |
| Minh Hòa | 1.028,30 | 925,81 | 90,03 | 2.182,00 | 39,67 | 1,82 | 42,38 | 94,00 | 221,80 |
| Thanh An | 555,41 | 303,21 | 54,59 | 1.986,99 | 18,34 | 0,92 | 3,20 | 6,93 | 216,56 |
| Trần Văn Lưu | 1.032,43 | 1.039,08 | 100,64 | 2.490,85 | 68,78 | 2,76 | 441,30 | 1.348,58 | 305,59 |
| **TỔNG** | **6.124,32** | **4.949,87** | **80,82** | **18.455,32** | **1.162,96** | **6,30** | **486,88** | **1.449,51** | **297,71** |

**- Sử dụng phân bón:**

Công ty ưu tiên sử dụng phân bón vi sinh trên vườn cây với số lượng lớn và phù hợp, nhằm mục đích cung cấp chất dinh dưỡng cho cây, cải tạo đất, đảm bảo an toàn môi trường sống xung quanh.

+ Lượng phân bón, Công ty sử dụng cho 4 Nông trường có diện tích VFCS năm 2023 như sau:

| NT | Diện tích (ha) | Yêu cầu sử dụng (tấn) | | | | | | DT có VFCS (ha) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lân NC | NPK 16-8-16 | Vi sinh | Phù Sa Ri I | AGN (lít) | NPK 16-16-8 | |
| Bến Súc | 28,53 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 2,60 | 28,53 |
| Đoàn Văn Tiến | 160,32 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 46,30 | 160,32 |
| Thanh An | 86,72 | 0,90 | 0,00 | 8,70 | 0,00 | 0,00 | 17,30 | 86,72 |
| Trần Văn Lưu | 1.015,76 | 73,70 | 0,00 | 734,80 | 0,00 | 0,00 | 183,30 | 1.015,76 |
| **Tổng** | **1.291,33** | **74,60** | **0,00** | **743,50** | **0,00** | **0,00** | **249,50** | **1.291,33** |

+ Lượng phân bón, Công ty sử dụng cho 08 Nông trường có diện tích DDS năm 2023:

| NT | Diện tích bón phân (ha) | Yêu cầu sử dụng (tấn) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lân NC | NPK 16-8-16 | Vi sinh | Phù Sa Ri I | AGN (lít) | NPK 16-16-8 |
| An Lập | 49,16 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 4,00 |
| Bến Súc | 75,28 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 6,90 |
| Đoàn Văn | 58,04 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 9,00 |
| Minh Hòa | 387,58 | 6,70 | 0,00 | 67,20 | 0,00 | 0,00 | 56,60 |
| Thanh An | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| Trần Văn L | 25,30 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 2,30 |
| **Tổng** | **595,36** | **6,70** | **0,00** | **67,20** | **0,00** | **0,00** | **78,80** |

- **Khu vực trồng xen và luân canh**: bộ phận Nông nghiệp thường xuyên kiểm tra, nhận thấy các đơn vị trồng xen sử dụng thuốc BVTV đúng theo quy định của Nhà nước. Các hộ đa số trồng xen và luân canh cây đơn hồng tính, dưa hấu, đậu xanh .Chất thải trên khu vực thuê trồng xen được thu gom sạch sẽ, không ảnh hưởng đến môi trường.

**- Khu vực Hành lang ven suối:** Công ty không phun thuốc Bảo vệ thực vật và không phát cây cỏ dọc 2 bên hành lang để duy trì thảm thực vật.

**- Làm đất và trồng rừng:** Năm 2023, thực hiện trồng tái canh với diện tích 486,88 ha (Trong đó có 313,60 ha tham gia VFCS tại Nông trường Trần Văn Lưu, Thanh An và 173,28 ha tại Nông trường Minh Hòa, Trần Văn Lưu tham gia DDS). Trong quá trình làm đất, việc cày đất tác động đến môi trường sống của động vật trên khu vực chuẩn bị trồng rừng. Một số động vật bị mất chỗ cư trú, phải di chuyển sang khu vực rừng khác để sinh sống. Nên nhìn chung, không gây biến động về loài động vật trong khu vực quản lý rừng.

**- Quản lý rác thải khó phân hủy, chất thải nguy hại:** Nông trường thực hiện đúng QTMT06, các bao bì thuốc sau khi sử dụng được thu gom về kho của Nông trường để đơn vị bên ngoài thu gom xử lý.

**1.3. Khai thác gỗ**

Năm 2023, thực hiện khai thác thanh lý gỗ cao su 331,20 ha (Trong đó có 310,40 ha tham gia VFCS tại Nông trường Trần Văn Lưu, 3,2 ha tại Nông trường Thanh An và 17,60 ha tại Nông trường Minh Hòa tham gia DDS). Nông trường thực hiện tốt công tác giám sát các nhà thầu thi công cưa cắt, công tác cưa cắt không gây tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh, cụ thể như sau:

- Hướng đổ và chặt hạ: không ảnh hưởng đến khu vực cần được bảo vệ như hành lang ven suối, đa dạng sinh học.
- Vận xuất, vận chuyển: không gây xói mòn đất, sạt lở đất, ô nhiễm đất.

**1.4. Khai thác mủ**

**- Khai thác mủ ở vườn cây:**

+ Kiểm tra quá trình khai thác mủ, vận chuyển không gây ô nhiễm nguồn nước, đất; Ô nhiễm môi trường không khí do mùi hôi của mủ cao su;

+ Công ty đã thực hiện phỏng vấn 114 người dân địa phương và các cán bộ xã trên địa bàn có diện tích rừng về việc quá trình khai thác có ảnh hưởng tới nguồn nước sinh hoạt của cộng đồng địa phương hay không: 100% trả lời là không có ảnh hưởng.

**- Trạm thu gom mủ:**

+ Hố thu nước thải: nước thải phát sinh được thu gom vào hố thu nước thải và nạo vét khi đầy đúng theo quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số trạm tại các Nông trường chưa thực hiện tốt việc xử lý hố thu nước thải do ảnh hưởng của thời tiết mưa nhiều ngày liên tiếp và vào thời điểm tập trung thu hoạch sản lượng mủ nên việc quản lý vệ sinh thực hiện chưa đạt yêu cầu, cụ thể:

+ Nông trường cao su Trần Văn Lưu: Trạm lô 73A: rác thải sinh thoát dưới hố chứa nước thải và cống gạn; trạm 72A (lô DDS): hố chứa nước thải bị đất lấp; mương thoát nước bị hư hỏng cần sửa chữa, chưa vệ sinh lá, đất; sàn rửa thùng phũ rêu nhiều dễ gây trơn trượt - cần vệ sinh; trạm 83B: cần dọn cỏ vệ sinh mương để thoát nước thải, còn rác thải xung quanh trạm.

+ Nông trường cao su Thanh An: Trạm lô 19, lô 22: rác thải không để đúng quy định, không có bao bì chứa rác thải. Riêng trạm lô 22, mương thoát nước chưa vét sạch sẽ; mương thoát nước, sàn chứa mủ tạp đông và khu vực giao mủ vệ sinh chưa sạch sẽ (trạm lô 20 và lô 6).

+ Nông trường cao su Bến Súc: Trạm lô 8A (lô DDS) chưa vệ sinh thoát nước, nước rửa thùng còn rơi vãi trên đất xung quanh bệ chứa nước, chưa vệ sinh rác thải; Trạm lô 16A, 16B chưa vệ sinh mương nước thải.

+ Nông trường cao su Đoàn Văn Tiến: Mương thoát nước chưa vệ sinh vét mủ, chưa dọn cỏ khu vực mương (trạm 60D); Cống gạn không thu gom mủ, mương thoát nước thải và hố chứa nước thải không vệ sinh (trạm lô 80A); Mương chưa nạo vét, chưa vớt váng mủ, còn rác thải sinh hoạt (trạm lô 70C - 2008); Trạm lô 31C không sử dụng để

giao nhận mủ nhưng công nhân vẫn sử dụng để rửa thùng, tuy nhiên trạm hố chứa nước thải nhỏ và mương thoát nước bị lấp không dẫn nước thải ra hố. Do đó, nếu Nông trường cho công nhân sử dụng trạm này thì cần phải trang bị lại hố chứa nước thải và mương thoát nước.

Công ty đã đề nghị các Nông trường thực hiện công tác vệ sinh, nạo vét hố thu nước thải (sau hệ thống cống gạn) tại trạm. Đã khắc phục.

**2. Xác định các hoạt động có thể gây tác động đến môi trường trong sản xuất**

Kết quả đánh giá mức độ ảnh hưởng của các hoạt động đến môi trường được thể hiện theo bảng tổng hợp sau:

| Nhóm công việc | Mức độ tác động | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Cao | Trung bình | Thấp | Không tác động |
| Xây dựng hạ tầng kỹ thuật | 0 | 0 | 0 | 13 |
| Trồng và chăm sóc rừng, Trồng xen và luân canh | 0 | 0 | 3 | 10 |
| Khai thác gỗ | 0 | 0 | 0 | 7 |
| Khai thác mủ | 0 | 0 | 4 | 3 |
| **Tổng** | **0** | **0** | **7** | **33** |

Kết quả đánh giá chung trong bảng 1 cho thấy, hoạt động của Nông trường có ảnh hưởng đến môi trường với mức độ khác nhau, không có hoạt động nào có ảnh hưởng mạnh đến môi trường, chỉ là tác động nhẹ. Trong đó hoạt động trồng, chăm sóc rừng, trồng xen, luân canh và khai thác mủ có tác động đến môi trường *(Chi tiết tại phụ lục I).*

**a. Tác động tích cực:**

Đa số các hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su ít gây tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh mà còn góp phần bảo vệ môi trường.

**b. Tác động tiêu cực**

Ngoài những mặt tích cực, các hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác cây cao su vẫn còn một số hạn chế, gây ảnh hưởng nhẹ đến môi trường, cần phải được khắc phục.

**3. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường**

Ngoài việc thực hiện đúng quy định của Công ty về quản lý chất thải, nước thải, chăm sóc vườn cây, khai thác mủ gỗ và sử dụng hóa chất BVTV, phân bón. Cần thực hiện thêm các biện pháp cụ thể như sau:

**3.1. Biện pháp hạn chế ô nhiễm tại trạm giao nhận, thu gom mủ**

- Xây dựng thêm các hố chứa nước thải tại các trạm giao nhận mủ, Công ty thống kê và rà soát các trạm cần sửa chữa và xây dựng cống gạn thoát nước trong năm 2024 dựa trên điều kiện thực tế của Công ty.

- Tăng cường tần suất kiểm tra nhắc nhở và giám sát việc vệ sinh tại các trạm giao nhận mủ, ghi nhận vào biên bản để làm cơ sở đánh giá xếp loại hằng năm tại các đơn vị.

**3.2 . Xử lý chất thải sinh hoạt, bao bì thuốc BVTV tại khu vực trồng xen**

- Thường xuyên nhắc nhở đối tác trồng xen trong việc thu gom chất thải trong quá trình thực hiện trồng xen và sau khi trồng xen;

- Tăng tần suất kiểm tra đối với đối tác đã vi phạm trong mùa vụ trước nếu có thực hiện mùa vụ sau.

**3.3. Sử dụng thuốc BVTV và phân bón**

- Tiếp tục sử dụng thuốc (BVTV) đúng phương pháp và chủng loại được phép sử dụng theo định mức của Công ty và Thông tư số 19/2022/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2022 về việc ban hành danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam nên không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống của động vật, vi sinh vật, không khí và nguồn nước.

- Ưu tiên sử dụng phân bón hữu cơ như phân vi sinh và phân sinh học trên vườn cây với số lượng lớn và phù hợp, nhằm mục đích cung cấp chất dinh dưỡng cho cây, cải tạo đất, đảm bảo an toàn môi trường sống xung quanh.

**3.4. Khu vực Hành lang ven suối:** Công ty không phun thuốc Bảo vệ thực vật và phát cây cỏ dọc hai bên hành lang ven suối để duy trì thảm thực vật. Tiếp tục thực hiện bảo vệ một số khu vực Hành lang ven suối đã giảm xói mòn và duy trì bảo vệ các khu Hành lang ven suối không còn xói mòn.

- Tuyên truyền rộng rãi về chức năng của khe suối và vai trò của hành lang bảo vệ đến toàn thể nhân dân trong vùng, với mục tiêu mọi người dân đều nâng cao ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước mà chính họ là người sử dụng; từ đó hộ dân tự nguyện tham gia bảo vệ, không tự ý chặt phá cây trong hành lang bảo vệ sông, suối, khe, rạch.

**3.5. Các giải pháp quản lý an toàn lao động nhằm ngăn ngừa các rủi ro**

- Trang bị đầy đủ các đồ bảo hộ lao động cần thiết và hạn chế những tác hại cho công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, ủng, nón khi thu hoạch mủ và đồ bảo hộ lao động cho công nhân tham gia cưa cắt thanh lý cây cao su.

- Đào tạo, tập huấn về an toàn khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Giáo dục ý thức về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động cho công nhân đang trực tiếp chăm sóc, khai thác và bảo vệ vườn cây.

- Công ty chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và không sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật bị cấm mà Công ty đã cam kết.

**TM. BAN THỰC HIỆN CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**
**TRƯỞNG BAN**

CÔNG TY TNHH MTV CAO SU DẦU TIẾNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hiền

**Phụ Lục I. Đánh giá các hoạt động sản xuất tác động đến môi trường năm 2023**

| Nhóm công việc | Hoạt động cụ thể | Chỉ số | Mức độ tác động | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cao | Trung bình | Thấp | Không tác động |
| **Xây dựng hạ tầng kỹ thuật** | Mở đường vận xuất, vận chuyển | Xói mòn đất | | | | x |
| | | Sạt lở đất | | | | x |
| | | Ô nhiễm nguồn nước | | | | x |
| | | Tắt nghẽn dòng chảy | | | | x |
| | | Phá hủy sinh cảnh sống của động thực vật cần được bảo vệ | | | | x |
| | | Rò rỉ dầu mỡ, chất thải khó phân hủy, nguy hại | | | | x |
| | Xây dựng lán trại công nhân trong rừng | Ô nhiễm do chất thải sinh hoạt | | | | x |
| | | Ô nhiễm do chất thải khó phân hủy, nguy hại | | | | x |
| | | Ô nhiễm nguồn nước | | | | x |
| | | Nguy cơ cháy rừng | | | | x |
| | Bãi đỗ xe | Xói mòn đất | | | | x |
| | | Rò rỉ dầu mỡ | | | | x |
| | Trạm bảo vệ rừng | Gây ô nhiễm do rác thải sinh hoạt | | | | x |
| + | | | **0** | **0** | **0** | **13** |
| **Trồng và chăm sóc rừng, trồng xen và luân canh** | Xử lý thực bì và vật liệu hữu cơ sau khai thác | Gây ô nhiễm không khí do đốt | | | | x |
| | | Ô nhiễm nguồn nước | | | | x |
| | | Ảnh hưởng tới môi trường sống của động vật và vi sinh vật đất | | | x | |
| | Làm đất và trồng rừng | Ô nhiễm không khí | | | | x |
| | | Ô nhiễm nguồn nước | | | | x |
| | | Xói mòn đất | | | | x |
| | | Sạt lở đất | | | | x |
| | | Ô nhiễm đất do dầu mỡ, chất thải khó phân hủy và nguy hại | | | | x |
| | | Ảnh hưởng tới môi trường sống của động vật và vi sinh vật đất | | | x | |
| | Chăm sóc | Ô nhiễm không khí | | | x | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | rừng | Ô nhiễm nguồn nước | | | | x |
| | | Xói mòn đất | | | | x |
| | | Ô nhiễm đất do dầu mỡ, chất thải khó phân hủy và nguy hại | | | | x |
| | | Ảnh hưởng tới môi trường sống của động vật và vi sinh vật đất | | | | x |
| + | | | **0** | **0** | **3** | **10** |
| **Khai thác gỗ** | Hướng đổ và chặt hạ | Tác động tới cây trồng khác | | | | x |
| | | Tác động tới hành lang ven sông suối | | | | x |
| | Vận xuất, vận chuyển | Xói mòn đất | | | | x |
| | | Sạt lở đất | | | | x |
| | | Lầy lội đường vận chuyển | | | | x |
| | | Ô nhiễm đất, nước do rò rỉ dầu mỡ, chất thải khó phân hủy và nguy hại | | | | x |
| | | Tác động đến cây trồng khác | | | | x |
| + | | | **0** | **0** | **0** | **7** |
| **Khai thác mủ** | Khai thác mủ ở vườn cây | Ô nhiễm nguồn nước | | | | x |
| | | Ô nhiễm môi trường không khí do mùi hôi của mủ cao su | | | | x |
| | Trạm thu gom mủ (ga mủ) | Ô nhiễm nguồn nước | | | x | |
| | | Ô nhiễm môi trường không khí do mùi hôi của mủ cao su | | | x | |
| | | Ô nhiễm do rác thải sinh hoạt | | | | x |
| | | Ô nhiễm do rác thải khó phân hủy và nguy hại | | | x | |
| + | | | **0** | **0** | **4** | **3** |
| **Tổng hợp** | | | **0** | **0** | **7** | **33** |